

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ
Về việc cung cấp chào giá thuốc năm 2026 (đợt 2)
của nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố

Kính gửi: Các đơn vị/ Nhà cung cấp

Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố kính mời các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm, tham gia chào giá đối với một số thuốc dự kiến sẽ mua sắm đợt 2 năm 2026 của Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố. Cụ thể như sau:

1. Danh mục sản phẩm cần chào giá:

- Theo Danh mục chào giá thuốc gồm 108 khoản (đính kèm Phụ lục I).
- Thời hạn ký hợp đồng: đến hết ngày 31/03/2027, mua theo nhu cầu của bệnh viện.

2. Hồ sơ chào giá: theo Danh mục Hồ sơ chào hàng (đính kèm).

3. Cách thức tiếp nhận:

- Bản giấy và file scan các tài liệu (chép vào USB): đựng trong phong bì kín đóng dấu **niêm phong**, gửi về địa chỉ: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố, số 15 đường Võ Trần Chí, xã Tân Nhựt, TP.HCM. (KÝ NHẬN TẠI CÔNG NỘI BỘ).
- Điền thông tin sản phẩm chào giá theo link:

<https://forms.gle/h4fgozENEKs9t5rXA>

4. Thời gian nhận Hồ sơ chào giá: đến hết ngày 22 / 5 /2026

Trân trọng thông báo./. *Sh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: vt; KD (T,V; 3b).



Trương Quang Định

PHỤ LỤC I - DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ THUỐC NĂM 2026 - ĐỢT 2
(THEO THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ SỐ 1060/TB-BVNĐTP NGÀY 14/5/2026)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày (nếu có)	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
1	0226TH001	Acid Acetyl salicylic	81mg	Viên bao tan ở ruột		Uống	Viên	Nhóm 4
2	0226TH002	Acid folic	5mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
3	0226TH003	Adapalen	0,1%; 15g	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5
4	0226TH004	Adapalen + Clindamycin	(1mg + 10mg)/g; 15g	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5
5	0226TH005	Albendazole	200mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
6	0226TH006	Alimemazin	10mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
7	0226TH007	Ambroxol	30mg/5ml; 100ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 2
8	0226TH008	Amoxicilin	250 mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 3
9	0226TH009	Amoxicilin + acid clavulanic	(250mg + 62.5mg)/5ml; 60ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 60ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 1
10	0226TH010	Amoxicilin + acid clavulanic	(250mg + 62.5mg)/5ml; 100ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 100ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 2
11	0226TH011	Amoxicilin + acid clavulanic	400mg + 57mg	Viên hòa tan nhanh		Uống	Viên	Nhóm 2
12	0226TH012	Amoxicilin + acid clavulanic	(400mg + 57mg)/5ml; 70ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 70ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 1
13	0226TH013	Baclofen	10mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
14	0226TH014	Betamethason	0,5mg/1g; 30g	Dùng ngoài		Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 2
15	0226TH015	Brinzolamide	10mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Nhóm 1
16	0226TH016	Calci + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin D3 + Vitamin E + Vitamin PP + Vitamin B5 + Lysin hydroclorid	(1040mg + 24mg + 28mg + 48mg + 3200IU + 120IU + 160mg + 80mg + 2400mg)/120 ml; 120ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
17	0226TH017	Calci ascorbat + Lysin hydroclorid + Acid ascorbic	250mg + 141,7mg + 136,6mg/5ml; 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Lọ	Nhóm 4
18	0226TH018	Calcifediol monohydrat	1,5mg/10ml; 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 1
19	0226TH019	Calcitriol	0,25mcg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
20	0226TH020	Calcium + Magnesium + Zinc + Vitamine D3	(150mg + 25mg + 2mg + 200IU)/5ml; 100ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 5
21	0226TH021	Cefdinir	125mg/ 5ml; 40ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 40ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
22	0226TH022	Cefdinir	125mg/ 5ml; 100ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 100ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
23	0226TH023	Cefditoren	50mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 3
24	0226TH024	Cefixim	100mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 2
25	0226TH025	Cefpodoxim	100mg/5ml; 90ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 90ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
26	0226TH026	Cefpodoxim	200mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
27	0226TH027	Cefuroxim	125mg/5ml; 50ml	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Hộp 01 chai bột pha 50ml hỗn dịch	Uống	Chai / Lọ	Nhóm 3
28	0226TH028	Chlorpheniramin maleat	4mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
29	0226TH029	Citicolin	100mg/10ml; 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Lọ	Nhóm 4
30	0226TH030	Citicolin (tương đương citicolin natri 10,45% w/v) 10% (w/v)	100mg/ml; 30ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai/ Lọ	Nhóm 4
31	0226TH031	Clobetasol Propionate	5mg/10g; 10g	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
32	0226TH032	Desloratadin	2,5mg/5ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
33	0226TH033	Dextromethorphan Hbr + Clorpheniramin Maleat + Trisodium citrat dihydrat + Ammonium chlorid + Glyceryl Guaiacolat	(5mg+1.33mg+1.33mg+50mg+50mg)/5ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
34	0226TH034	Domperidon	1mg/1ml; 30ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
35	0226TH035	Đông sulfat	0,225g; 90ml	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Chai / Lọ	Nhóm 4
36	0226TH036	Erythromycin	250mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 4

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày (nếu có)	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
37	0226TH037	Esomeprazol	20mg	Viên bao tan ở ruột		Uống	Viên	Nhóm 1
38	0226TH038	Famotidin	20mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 4
39	0226TH039	Fexofenadin	6mg/ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
40	0226TH040	Fexofenadin hydroclorid	6mg/ml; 50ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai/ Lọ	Nhóm 4
41	0226TH041	Fluorometholon	0,2mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Biệt dược gốc
42	0226TH042	Fluticasone propionate	50mcg/ liều; 120 liều	Thuốc xịt mũi		Xịt mũi	Chai / Lọ/ Bình	Nhóm 2
43	0226TH043	Giải mẫn cảm từ mạt bụi nhà (Dermatophagoides pteronyssinus 50%, Dermatophagoides farinae 50%)	1000 AU	Viên		Viên đặt dưới lưỡi	Viên	Nhóm 5
44	0226TH044	Giải mẫn cảm từ mạt bụi nhà (Dermatophagoides pteronyssinus 50%, Dermatophagoides farinae 50%)	300-1000 AU	Viên		Viên đặt dưới lưỡi	Viên	Nhóm 5
45	0226TH045	Glycerol	1,79 g/3ml; 3ml	Thuốc thực hậu môn/ trực tràng		Bơm hậu môn/ trực tràng	Ống/ Lọ/ Tuýp	Nhóm 4
46	0226TH046	Glycerol	1,79 g/3ml; 5ml	Thuốc thực hậu môn/ trực tràng		Bơm hậu môn/ trực tràng	Ống/ Lọ/ Tuýp	Nhóm 4
47	0226TH047	Guafinesin + Terbutalin sulfat	(66,5mg + 1,5mg)/5ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai	Nhóm 4
48	0226TH048	Haloperidol	2mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
49	0226TH049	Húng chanh + Núc nác + Cineol	(500mg + 125mg + 0,883mg)/ml; 120ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai/ Lọ	Dược liệu - Nhóm 3
50	0226TH050	Hydrocortison	10mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
51	0226TH051	Hydroxy cloroquin	200mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
52	0226TH052	Ibuprofen	100mg/5ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 5
53	0226TH053	Ibuprofen	200mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
54	0226TH054	Ivermectin	3mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
55	0226TH055	Kẽm gluconat	10mg/5ml; 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Lọ	Nhóm 4
56	0226TH056	Ketoconazol	2%; 5g	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
57	0226TH057	Lamotrigine	25mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
58	0226TH058	Levetiracetam	100mg/1 ml; 100ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
59	0226TH059	Levothyroxine natri	50mcg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
60	0226TH060	Magnesi lactat dihydrat + Magnesi pidolat + Pyridoxin hydroclorid	186mg + 936mg + 10mg/1,2g	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 4
61	0226TH061	Melatonin	5mg	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
62	0226TH062	Methyl prednisolon	4mg	Viên		Uống	Viên	Biệt dược gốc
63	0226TH063	Methyl prednisolon	4mg	Viên sùi		Uống	Viên	Nhóm 4
64	0226TH064	Montelukast	5mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
65	0226TH065	Moxifloxacin	5mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Biệt dược gốc
66	0226TH066	Moxifloxacin	5mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Nhóm 1
67	0226TH067	N-acetylcystein	200mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 1
68	0226TH068	Natri clorid	0,9%, 8ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Nhóm 4
69	0226TH069	Natri clorid	0,9%, 10ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Nhóm 4
70	0226TH070	Natri hydrocarbonat	500mg	viên		Uống	Viên	Nhóm 1
71	0226TH071	Natri Valproat	200mg	Viên bao tan ở ruột		Uống	Viên	Nhóm 4
72	0226TH072	Natri Valproat	500mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
73	0226TH073	Nước oxy già đậm đặc	3,6g/60ml; 60ml	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Chai / Lọ	Nhóm 4
74	0226TH074	Ofloxacin	15mg/5ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Biệt dược gốc
75	0226TH075	Ofloxacin	0,3%; 3,5g	Thuốc tra mắt		Tra mắt	Tuýp	Biệt dược gốc

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày (nếu có)	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
76	0226TH076	Olopatadine hydrochlorid	0,2%: 2.5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Biệt dược gốc
77	0226TH077	Orlistat	120mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
78	0226TH078	Paracetamol (Acetaminophen)	500mg	Viên nén đóng vỉ		Uống	Viên	Nhóm 4
79	0226TH079	Pemiroloast Kali	1mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai / Lọ/ Ống	Nhóm 1
80	0226TH080	Piracetam	600mg; 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Lọ/ Gói/ Túi	Nhóm 4
81	0226TH081	Povidon iod	10%; 90ml	Dung dịch dùng ngoài		Dùng ngoài	Chai / Lọ	Nhóm 4
82	0226TH082	Povidon iod	10%: 10g	Dùng ngoài		Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
83	0226TH083	Prednisolon (dưới dạng prednisolon natri metasulfobenzoat)	5mg	Viên sủi		Uống	Viên	Nhóm 4
84	0226TH084	Racecadotril	10mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Biệt dược gốc
85	0226TH085	Racecadotril	30mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Biệt dược gốc
86	0226TH086	Rupatadin (Dưới dạng Rupatadin fumarat)	1mg/ml; 120ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 1
87	0226TH087	Saccharomyces boulardii	2,5x10 ⁹ tế bào/250mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
88	0226TH088	Salbutamol	5mg/ 2,5ml; 2,5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ khí dung		Đường hô hấp	Ống/ Lọ	Nhóm 1
89	0226TH089	Salbutamol	2mg/5ml; 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Lọ	Nhóm 4
90	0226TH090	Salbutamol + guaifenesin	(1mg + 50mg)/ 5ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 1
91	0226TH091	Sắt (III) hydroxid polymaltose	50mg/5ml; 100ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 5
92	0226TH092	Sắt (III) hydroxid polymaltose	50mg/5ml; 120ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
93	0226TH093	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	50mg	Viên		Uống	Viên	Biệt dược gốc
94	0226TH094	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat)	0,03%; 10g	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
95	0226TH095	Thiamin mononitrat + Nicotinamid + Pyridoxin hydrochlorid + Riboflavin	4,85mg + 20mg + 2mg + 2mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 4
96	0226TH096	Timolol (dưới dạng timolol maleate)	25mg/5ml (0,5%); 5ml	Thuốc nhỏ mắt		Nhỏ mắt	Chai/Lọ/ Ống/Hộp	Nhóm 1
97	0226TH097	Topiramát	25mg	Viên		Uống	Viên	Biệt dược gốc
98	0226TH098	Trihexyphenidyl	2mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1
99	0226TH099	Trimebutin maleat	24mg	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 4
100	0226TH100	Trimebutin maleat	100mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
101	0226TH101	Ursodeoxycholic acid	150mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2
102	0226TH102	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	125mg + 125mg + 125mcg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
103	0226TH103	Vitamin B1+ Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin PP + Kẽm sulfat tương đương kẽm + Lysine HCl	33,3mg + 33,3mg + 33,3mg + 50mg + 66,7mg + 1500mg/150ml; 150ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
104	0226TH104	Vitamin C	200mg/ 10ml; 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Lọ /Gói	Nhóm 4
105	0226TH105	Vitamin C + Kẽm	(100mg + 10mg)/5ml; 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Chai / Lọ	Nhóm 4
106	0226TH106	Vitamin C + Kẽm	(100mg + 10mg)/5ml; 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Uống	Ống/ Gói	Nhóm 4
107	0226TH107	Vitamin PP	5mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4
108	0226TH108	Xanh methylen + Tim Gentian	(400mg + 50mg)/20ml; 20ml	Thuốc dùng ngoài		Dùng ngoài	Chai / Lọ	Nhóm 4

Tổng cộng: 108 mã thuốc



Trương Quang Định

DANH MỤC HỒ SƠ CHÀO HÀNG
(Áp dụng cho thuốc)

Hồ sơ được đánh số trang, đóng cuốn và sắp xếp theo thứ tự như sau:

STT	Tên tài liệu	Trang
	BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY (Mẫu 1a)	
	BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUỐC (Mẫu 2a)	
A	HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY	
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	
2	Giấy ủy quyền của người kí hồ sơ chào giá (nếu có).	
3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc buôn bán thuốc.	
4	GDP còn hiệu lực.	
B	BẢN CAM KẾT	
5	Bản cam kết (theo Mẫu 4)	
C	GIÁ THUỐC	
6	Biểu mẫu chào giá (điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 3a)	
7	Giá bán buôn thuốc dự kiến	
D	HỒ SƠ SẢN PHẨM	
8	Giấy đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận GMP còn hiệu lực.	
9	Hình mẫu/hàng mẫu thể hiện rõ số đăng kí lưu hành và lô/ date còn hạn.	
10	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu (thể hiện được tên thuốc được chào giá và giá chào không cao hơn đơn giá theo kết quả trúng thầu) (*)	

(*) Lưu ý:

- Quyết định/Thông báo trúng thầu của những thuốc có kết quả trúng thầu/Thông báo trúng thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia (cung cấp mã E-TBMT) còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng đến ngày kết thúc nộp hồ sơ (thể hiện được tên thuốc được chào giá và giá chào không cao hơn đơn giá theo kết quả trúng thầu). Nếu công ty tham gia chào giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu được nộp, phải có giấy ủy quyền sử dụng kết quả trúng thầu của nhà thầu trúng thầu.

- Bệnh viện sẽ căn cứ nhóm tiêu chí kỹ thuật của thuốc được chào giá dựa trên Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu đã nộp.

- Giá bán buôn thuốc dự kiến áp dụng với thuốc kê đơn, công ty điền giá dự kiến và gửi link tra cứu đính kèm.

- Hồ sơ được cấp trực tuyến đóng dấu giáp lai một công ty, các hồ sơ còn lại sao y công chứng.

- Hiệu lực của các loại giấy tờ GDP/ GPLH/ GMP tính đến ngày kết thúc nộp hồ sơ.

- Nhà cung ứng điền đầy đủ thông tin vào đường link nếu Thư mời chào giá có yêu cầu. Trường hợp có sự khác biệt thông tin giữa đường link và thông tin trong hồ sơ chào giá, Bệnh viện sẽ căn cứ dựa trên thông tin trên Hồ sơ chào giá được nộp.

- **Công ty nộp hồ sơ chào giá theo đúng yêu cầu của bệnh viện.**

Mẫu 1a - BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA CÔNG TY
(Áp dụng cho Thuốc)

Tên công ty:

Địa chỉ:

Mã số Thuế:

STT	Tên tài liệu	Công ty tự đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Bệnh viện đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú (Trang)
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			
2	Giấy ủy quyền của người ký hồ sơ chào giá (nếu có).			
3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc buôn bán thuốc.			
4	GDP còn hiệu lực.			
5	Bản cam kết (theo Mẫu 04)			

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phản đánh giá của bệnh viện:

Kết luận:

.....
.....
.....
.....

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 2a - BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUỐC

Tên công ty:

Tên thuốc chào giá:

Mã thuốc:

STT	Tên tài liệu	Công ty tự đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Bệnh viện đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú (Số trang)
A	HỒ SƠ SẢN PHẨM			
1	Giấy đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận GMP còn hiệu lực.			
2	Tên thuốc, hoạt chất, nồng độ/Hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế, đơn vị tính của thuốc chào giá			
3	Hình mẫu/hàng mẫu thể hiện rõ số đăng kí lưu hành và lô/ date còn hạn.			
4	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu (thể hiện từng thuốc được chào giá)			
5	Nhóm tiêu chí kỹ thuật của thuốc chào giá (căn cứ dựa trên KQTT)			
B	GIÁ THUỐC			
6	Biểu mẫu chào giá (điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 3a)			
7	Giá chào (VND)			
8	Giá bán buôn thuốc dự kiến (VND) (áp dụng đối với thuốc kê đơn)			
9	Giá trúng thầu (VND) (căn cứ dựa trên KQTT)			
C	Không vi phạm cung ứng, chất lượng sản phẩm của sản phẩm chào giá tại bệnh viện trong 12 tháng (theo danh sách của bệnh viện).			
KẾT LUẬN				

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phần đánh giá của bệnh viện: Kết luận:	Người đánh giá (Ký và ghi rõ họ tên)
---	---

Mẫu 4 (áp dụng cho thuốc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: **BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ**

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá Đợt 2 năm 2026 của Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố,

Chúng tôi, [điền tên công ty], cam kết các nội dung như sau:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực.
4. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện cung ứng cho bệnh viện.
5. Cam kết các điều kiện về giá thuốc: các kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp trong hồ sơ (nếu có) là kết quả trúng thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (cung cấp mã E-TBMT) còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng tính đến ngày kết thúc nộp hồ sơ. Công ty tham gia chào giá không phải là nhà thầu trúng thầu theo Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu đã nộp phải có tài liệu xác nhận cho phép sử dụng kết quả trúng thầu của nhà thầu trúng thầu.
6. Cam kết giá bán của công ty sau khi tính thặng dư bán lẻ thuốc theo quy định tại Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của chính phủ không cao hơn giá bán lẻ công ty cam kết bình ổn giá hàng năm.
7. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp:
 - Đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng thuốc theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong Hồ sơ chào giá.
 - Thời hạn giao hàng là 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố.
 - Đảm bảo cung ứng thuốc theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với bệnh viện, và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.
 - Cung cấp Tờ khai hải quan và Phiếu kiểm nghiệm của từng lô sản phẩm được giao cho bệnh viện.
8. Cam kết thu hồi thuốc trong trường hợp thuốc đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

9. Hạn sử dụng còn lại của thuốc tính đến thời điểm cung ứng cho bệnh viện phải đảm bảo tối thiểu 9 tháng. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, bệnh viện có quyền từ chối nhận hàng.

10. Trường hợp hàng bị ứ đọng quá 3 tháng hoặc hạn dùng còn lại dưới 6 tháng, công ty sẽ thu hồi lại nếu bệnh viện yêu cầu.

11. Cung cấp đầy đủ thông tin về thuốc và cơ sở sản xuất có vi phạm chất lượng trong vòng một năm gần đây (nếu có).

12. Cam kết các mặt hàng khi phân phối có thông tin thống nhất với hình mẫu/hàng mẫu cung cấp trong Hồ sơ chào giá và thông tin đăng kí với Bộ Y tế, nếu không sẽ bồi thường cho Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố khi có sự thiệt hại do sự sai lệch thông tin trên gây ra.

13. Phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn tất hóa đơn hợp pháp, thủ tục nhập kho.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường nếu có sự sai khác về tính chính xác của thông tin nêu trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU MẪU CHÀO GIÁ THUỐC

(Căn cứ Thư mời chào giá số /TB-BVNDTP ngày tháng năm 2026)

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố

Tên công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Người liên hệ: SĐT:

ST T	DANH MỤC YÊU CẦU							THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÀO GIÁ							KẾT QUẢ TRÚNG THẦU												
	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bao chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc (Theo GPLH/ GPNK)	Tên hoạt chất (Theo GPLH/ GPNK)	Nồng độ - Hàm lượng (Theo GPLH/ GPNK)	Dạng bao chế (Theo GPLH/ GPNK)	Đường dùng (Theo GPLH/ GPNK)	Đơn vị tính (Theo GPLH/ GPNK)	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	SDK/ GPN	Tên CSSX - Nước SX	Giá bán buôn thuốc dự kiến (VNĐ)	Đơn giá chào (VNĐ)	Mã E-TBMT	Nhóm thuốc (theo QĐ/ TB trúng thầu)	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Số QĐ/ TB trúng thầu	Ngày QĐ/ TB trúng thầu	Hiệu lực thầu (Đến ngày .../.../...)	Tên BV/ S YT trúng thầu	Tên nhà thầu trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)
1																											
2																											
3																											
...																											

(*) Bảng chào giá này có hiệu lực trong vòng 180 ngày kể từ ngày kí.

..... ngày ... tháng năm 202 ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu 5**BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU HÀNG MẪU**

Hôm nay, ngày tháng năm 20... tại Bệnh viện Nhi đồng Thành Phố

Chúng tôi gồm:

BÊN A : BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ

- Địa chỉ: Số 15, Võ Trần Chí, ấp 18, xã Tân Nhựt, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0822536688 Fax: 0822538899
- Đại diện Ông/bà: Chức vụ:

BÊN B : (Điền tên công ty)

- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax :.....
- Đại diện Ông/bà:..... Chức vụ:.....

Hai bên cùng nhau thống nhất đối chiếu danh mục hàng mẫu như sau:

STT	MÃ THUỐC	TÊN THUỐC	SĐK	SỐ LÔ	HẠN SỬ DỤNG
1					
2					
...					

Chúng tôi kèm theo: Giấy giới thiệu để đối chiếu hàng mẫu.

Bên A xác nhận Bên B đã mang hàng mẫu để đối chiếu theo thông tin như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B